

FINANCIAL REVENUE–EXPENDITURE PERFORMANCE AT KY HOA MEDICAL CENTER, 2022–2024

Dang Quoc Dung^{1*}, Nguyen Quynh Anh²

¹Ky Hoa Medical Center - 3 Thang 2, Hoa Hung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

²University of Public Health - 1A Duc Thang, Dong Ngac Ward, Hanoi City, Vietnam

Received: 03/12/2025

Revised: 10/02/2026; Accepted: 28/07/2026

ABSTRACT

Objective: Research on the results of financial revenue and expenditure activities at Ky Hoa Medical Center in the period of 2022 - 2024.

Research Methods: Quantitative research design using secondary data on the financial performance of the Center.

Results and Conclusion: Total revenue includes revenue from medical examination and treatment activities and from other sources of revenue. The Center's total revenue increases steadily over the years, from 85,370 million VND in 2022 to 106,988.9 million VND in 2024. Revenue from medical examination and treatment accounts for 98.5 - 98.9% of total revenue, of which revenue from health insurance medical examination and treatment activities accounts for the majority and increases steadily from 61.2 - 67.9% and plays a fundamental role in the Center's revenue structure. Revenue from medical examination and treatment outside of health insurance is not stable, fluctuating from 30.8 - 37.7% of total revenue. Total expenditure tends to increase, from VND 78,448.7 million in 2022 to VND 98,610.9 million in 2024. Regular expenditure is large, accounting for 99.6% of total expenditure. Two major expenditure items: professional expenses (accounting for 65%) and personal payment expenses (accounting for 23%). Expenditures for purchasing and depreciation of fixed assets are low. The difference between pre-tax revenue and expenditure remains positive and improves year by year, reflecting the ability to be financially autonomous and manage costs relatively effectively. The fund allocation situation according to the Center's internal regulations maintains a stable ratio with the Risk Reserve Fund (10%), Development Investment Fund (35%), Reward - Welfare Fund (30%) and Supplemental Working Capital/Return on Investment (25%).

Keywords: Financial revenue–expenditure performance, Ky Hoa Medical Center.

*Corresponding author

Email: ckii2340094@studenthuph.edu.vn Phone: (+84) 903650895 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD11.6087

KẾT QUẢ THU – CHI TÀI CHÍNH TẠI TRUNG TÂM Y KHOA KỲ HÒA GIAI ĐOẠN 2022 – 2024

Đặng Quốc Dũng^{1*}, Nguyễn Quỳnh Anh²

¹Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa - 3 Tháng 2, Hòa Hưng, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Đại học Y tế Công cộng - 1A Đức Thắng, P. Đông Ngạc, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 03/12/2025

Ngày sửa: 10/02/2026; Ngày đăng: 28/07/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu về kết quả hoạt động thu – chi tài chính tại Trung tâm Y khoa (TTYK) Kỳ Hòa giai đoạn 2022 – 2024.

Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu định lượng sử dụng số liệu thứ cấp về kết quả tài chính của Trung tâm.

Kết quả và kết luận: Tổng thu gồm thu từ hoạt động khám chữa bệnh (KCB) và từ nguồn thu khác. Tổng thu của Trung tâm tăng đều qua các năm, từ 85.370 triệu đồng năm 2022 lên 106.988,9 triệu đồng năm 2024. Nguồn thu khám chữa bệnh chiếm từ 98,5 – 98,9% tổng thu, trong đó thu từ hoạt động khám chữa bệnh BHYT chiếm tỷ trọng chủ đạo và tăng đều từ 61,2 – 67,9% đóng vai trò nền tảng trong cơ cấu doanh thu của Trung tâm. Còn nguồn thu từ khám chữa bệnh ngoài BHYT chưa ổn định, giảm từ 37,7 - 30,8% tổng thu. Tổng chi có xu hướng tăng, từ 78.448,7 triệu đồng năm 2022 lên 98.610,9 triệu đồng vào năm 2024. Chi thường xuyên lớn, chiếm 99,6% tổng chi. Hai mục chi lớn: chi chuyên môn nghiệp vụ (chiếm 65%) và chi thanh toán cá nhân (chiếm 23%). Chi mua sắm và khấu hao TSCĐ thấp. Chênh lệch thu – chi trước thuế duy trì dương và cải thiện qua từng năm, phản ánh khả năng tự chủ tài chính và quản lý chi phí tương đối hiệu quả. Tình hình trích lập quỹ theo quy chế nội bộ Trung tâm, duy trì tỷ lệ ổn định với Quỹ dự phòng rủi ro (10%), Quỹ đầu tư phát triển (35%), Quỹ khen thưởng – phúc lợi (30%) và Bổ sung vốn hoạt động/hoàn vốn đầu tư (25%).

Từ khóa: Kết quả thu chi tài chính, Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, đổi mới cơ chế tài chính trở thành yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở y tế ngoài công lập, với mô hình tự chủ tài chính, các cơ sở này góp phần quan trọng vào hệ thống y tế, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng [1]. Tại các cơ sở y tế ngoài công lập, nguồn tài chính chủ yếu dựa vào dịch vụ khám chữa bệnh BHYT, KCB dịch vụ ngoài BHYT và hợp tác đầu tư [2]. Dù nguồn thu đa dạng hơn, các cơ sở y tế ngoài công lập vẫn phải quản lý tài chính hiệu quả để tối ưu chi phí do đối mặt nhiều thách thức như cạnh tranh, nhu cầu đầu tư lớn, chi phí nhân sự tăng và thay đổi trong chính sách, đặc biệt quy định về khung giá và thanh toán BHYT [3]. TTYK Kỳ Hòa là đơn vị tự chủ tài chính với nguồn thu chủ yếu từ khám chữa bệnh, BHYT và hợp tác đầu tư [4]. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về thu – chi tài chính tại các cơ sở y tế công lập, nhưng các nghiên cứu tại cơ sở y tế ngoài công lập vẫn còn hạn chế; trong bối cảnh đó, Trung tâm cũng chưa có nghiên cứu khoa học nào về tài chính, nên nghiên cứu: “Kết quả hoạt động thu – chi tài chính tại Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa giai đoạn 2022 – 2024” được thực hiện để làm rõ thực trạng và kết quả hoạt động thu – chi tài chính với mong muốn cung cấp thông tin một cách khoa học về kết quả thu – chi tài chính tại Trung tâm.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Đối tượng nghiên cứu: Sử dụng số liệu thứ cấp từ các báo cáo tài chính của TTYK Kỳ Hòa giai đoạn 2022 – 2024.

- Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2025 tại TTYK Kỳ Hòa.

- Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu định lượng sử dụng số liệu thứ cấp.

- Phương pháp thu thập số liệu: Hồi cứu số liệu thứ cấp liên quan đến hoạt động của Trung tâm trong giai đoạn 2022 – 2024 qua các sổ sách, báo cáo tài chính, quyết định, biên bản làm việc, văn bản có liên quan tại TTYK Kỳ Hòa.

- Phương pháp phân tích số liệu: Số liệu được xử lý bằng Excel theo phương pháp thống kê mô tả, bao gồm tính tốc độ tăng trưởng hàng năm (YoY), tỷ trọng từng khoản mục thu - chi và chênh lệch thu - chi trước và sau thuế. Dữ liệu được lấy từ báo cáo tài chính chính thức hàng năm của Trung tâm, lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 200/2014/TT-BTC), ghi nhận theo phương pháp dồn tích, được Ban Giám đốc phê duyệt và đảm bảo nhất quán phân loại khoản mục trong suốt giai đoạn 2022 – 2024.

- Vấn đề đạo đức: Nghiên cứu được thực hiện theo sự chấp thuận của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh của Trường Đại học Y tế Công cộng theo Quyết định số: 275/2025/YTCC-HD3 ngày 02/6/2025 và được sự đồng thuận của Ban Giám đốc TTYK Kỳ Hòa.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

TTYK Kỳ Hòa là cơ sở y tế ngoài công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính, cung cấp dịch vụ KCB đa khoa và kỹ thuật cao tại TP. Hồ Chí Minh. Trung tâm có khoảng 98 nhân viên y tế, phục vụ 182.500 - 200.000 lượt khám/năm. Trong giai đoạn 2022 – 2024, chênh lệch thu – chi trước thuế ổn định và luôn duy trì dương.

*Tác giả liên hệ

Email: ckii2340094@studenthuph.edu.vn Điện thoại: (+84) 903650895 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD11.6087

3.1. Kết quả hoạt động thu của TTYK Kỳ Hòa giai đoạn 2022 – 2024

Bảng 1. Thực trạng kết quả hoạt động thu giai đoạn 2022 – 2024

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022	So sánh 2024/2023
	Số lượng (tỷ lệ %)	Số lượng (tỷ lệ %)	Số lượng (tỷ lệ %)	Chênh lệch số lượng (tỷ lệ %)	
1. Tổng thu	85.370,0 (100%)	95.016,9 (100%)	106.988,9 (100%)	9.646,9 (↑11,3%)	11.972,0 (↑12,6%)
2. Thu KCB BHYT	52.246,4 (61,2%)	62.331,0 (65,6%)	72.645,5 (67,9%)	10.084,6 (↑19,3%)	10.314,5 (↑16,5%)
3. Thu KCB dịch vụ	32.184,5 (37,7%)	31.260,5 (32,9%)	32.952,6 (30,8%)	-924,0 (↓2,9%)	1.692,1 (↑5,4%)
4. Thu khác	939,1 (1,1%)	1.425,3 (1,5%)	1.390,9 (1,3%)	486,2 (↑51,8%)	-34,4 (↓2,4%)

Trung tâm có 02 nguồn thu: thu từ hoạt động KCB chiếm 98,5 – 98,9% và thu khác (bao gồm cho thuê cơ sở vật chất, căn tin, tiền giữ xe, tiền lãi ngân hàng) chiếm 1,1 – 1,5%. Trong đó, thu từ hoạt động khám chữa bệnh BHYT chiếm tỷ trọng chủ đạo và tăng đều từ 61,2 – 67,9%, còn thu KCB ngoài BHYT chưa ổn định, năm 2023 giảm 924 triệu so với 2022 và năm 2024 tăng lại 1.692,1 triệu so với 2023 (tỷ trọng chiếm từ 37,7 – 30,8% tổng thu). Nhìn chung tổng thu của Trung tâm tăng trưởng đều qua các năm, với mức tăng 11,3% năm 2023 và 12,6% năm 2024.

3.2. Kết quả hoạt động chi của TTYK Kỳ Hòa giai đoạn 2022 – 2024

Bảng 2. Thực trạng kết quả hoạt động chi giai đoạn 2022 – 2024

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022	So sánh 2024/2023
	Số lượng (tỷ lệ %)	Số lượng (tỷ lệ %)	Số lượng (tỷ lệ %)	Chênh lệch số lượng (tỷ lệ %)	
Tổng chi	78.448,7 (100%)	87.539,2 (100%)	98.610,9 (100%)	9.090,5 (↑11,6%)	11.071,7 (↑12,6%)
1. Chi thường xuyên	78.129,4 (99,6%)	87.230,2 (99,6%)	98.258,9 (99,6%)	9.100,8 (↑11,6%)	11.028,7 (↑12,6%)
1.1 Thanh toán cá nhân	18.122,0 (23,2%)	20.331,0 (23,3%)	23.076,0 (23,5%)	2.209,0 (↑12,2%)	2.745,0 (↑13,5%)
1.2 Chuyên môn nghiệp vụ	50.672,5 (64,9%)	57.122,9 (65,5%)	64.109,3 (65,2%)	6.450,4 (↑12,7%)	6.986,4 (↑12,2%)
1.3 Mua sắm TSCĐ	1.498,0 (1,9%)	534,0 (0,6%)	807,0 (0,8%)	-964,0 (↓64,4%)	273,0 (↑51,1%)
1.4 Khấu hao TSCĐ	443,0 (0,6%)	436,0 (0,5%)	468,0 (0,5%)	-7,0 (↓1,6%)	32,0 (↑7,3%)
1.5 Thuế TNDN	1.730,2 (2,2%)	1.869,3 (2,1%)	2.094,6 (2,1%)	139,1 (↑8,0%)	225,3 (↑12,1%)
1.6 Khác	5.663,7 (7,2%)	6.937,0 (8,0%)	7.704,0 (7,8%)	1.273,3 (↑22,5%)	767,0 (↑11,1%)
2. Chi không thường xuyên	319,3 (0,4%)	309,0 (0,4%)	352,0 (0,4%)	-10,3 (↓3,2%)	43,0 (↑13,9%)

Tổng chi có xu hướng tăng, từ 78.448,7 triệu đồng năm 2022 lên 98.610,9 triệu đồng vào năm 2024. Chi thường xuyên lớn, chiếm 99,6% tổng chi. Hai mục chi lớn: chi chuyên môn nghiệp vụ (bao gồm chi phí thuốc, vật tư y tế, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và các hợp đồng dịch vụ chuyên môn thuê ngoài) chiếm 65% và chi thanh toán cá nhân chiếm 23%. Chi mua sắm TSCĐ có xu hướng biến động nhẹ, giảm mạnh 64,4% năm 2023 do tạm hoãn kế hoạch đầu tư TSCĐ, sau đó tăng trở lại 51,1% năm 2024. Chi khấu hao TSCĐ thấp, thuế TNDN duy trì ổn định 2,1 - 2,2% tổng chi trong 03 năm. Chi không thường xuyên chiếm tỷ trọng thấp ở mức 0,4% duy trì qua các năm. Chi khác bao gồm: chi phí quản lý hành chính, điện nước và chi phí vận hành chung khác.

3.3. Kết quả hoạt động thu – chi của TTYK Kỳ Hòa giai đoạn 2022 – 2024

Bảng 3. Kết quả hoạt động thu – chi và trích lập quỹ giai đoạn 2022 – 2024

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022	So sánh 2024/2023
	Số lượng	Số lượng	Số lượng	Chênh lệch số lượng (tỷ lệ %)	
Chênh lệch thu – chi trước thuế	8.651,5	9.347,0	10.472,6	695,5 (↑8,0%)	1.125,6 (↑12,0%)
Chênh lệch thu – chi sau thuế	6.921,3	7.477,7	8.378,0	556,4 (↑8,0%)	900,3 (↑12,0%)
Quỹ dự phòng rủi ro (10%)	692,1	747,8	837,8	55,6 (↑8,0%)	90,0 (↑12,0%)
Quỹ đầu tư phát triển (35%)	2.422,5	2.617,2	2.932,3	194,7 (↑8,0%)	315,1 (↑12,0%)
Quỹ khen thưởng – phúc lợi (30%)	2.076,4	2.243,3	2.513,4	166,9 (↑8,0%)	270,1 (↑12,0%)
Bổ sung vốn hoạt động / hoàn vốn đầu tư (25%)	1.730,3	1.869,4	2.094,5	139,1 (↑8,0%)	225,1 (↑12,0%)

Chênh lệch thu – chi trước thuế có xu hướng tăng, năm 2022 đạt 8.651,5 triệu đồng, năm 2023 đạt 9.347,0 và năm 2024 đạt 10.472,6 duy trì luôn dương, phản ánh khả năng tự chủ tài chính và quản lý chi tương đối hiệu quả. Tình hình trích lập quỹ từ chênh lệch thu – chi sau thuế theo quy chế nội bộ của Trung tâm và duy trì tỷ lệ ổn định qua các năm với Quỹ dự phòng rủi ro (10%), Quỹ đầu tư phát triển (35%), Quỹ khen thưởng – phúc lợi (30%) và Bổ sung vốn hoạt động/hoàn vốn đầu tư (25%).

4. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng thu – chi tài chính của TTYK Kỳ Hòa giai đoạn 2022 – 2024

Về nguồn thu. Tổng thu của TTYK Kỳ Hòa giai đoạn 2022 – 2024 tăng đều, từ 85.370 lên 106.988,9 triệu đồng, tăng 25,3% sau 02 năm. Sự tăng trưởng này gắn liền với tăng số lượt khám từ 182.503 lượt (2022) lên 201.326 lượt (2024), tương ứng mức tăng 10,3%. Đặc biệt, việc Trung tâm áp dụng Thông tư 21/2023/TT-BYT mở rộng danh mục kỹ thuật thanh toán BHYT và giám tỷ lệ xuất toán xuống dưới 1% là các nguyên nhân trực tiếp giúp thu BHYT tăng mạnh. Nguồn thu chủ yếu từ KCB BHYT (61,2 – 67,9%), còn tỷ trọng KCB dịch vụ ngoài BHYT giảm nhẹ (37,7 – 30,8%).

Tổng thu của TTYK Kỳ Hòa tăng 11,3% (năm 2023) và 12,6% (năm 2024), sự tăng trưởng và ổn định hơn so với tổng thu biến động tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018 – 2020 (5) là: tăng 8,4% (năm 2019); giảm 12,5% (năm 2020). Tỷ lệ tăng trưởng của TTYK Kỳ Hòa cũng ổn định hơn tỷ lệ của Bệnh viện Giao thông vận tải Vĩnh Phúc giai đoạn 2019 – 2021 (6) là: tăng 16,1% (năm 2020); giảm 24,4% (năm 2021). Điều này cho thấy mô hình tư nhân ngoại trú của TTYK Kỳ Hòa linh hoạt hơn, ít chịu tác động bởi cơ chế tài chính như các cơ sở công lập.

Tỷ trọng thu từ KCB BHYT tại TTYK Kỳ Hòa ổn định và tăng dần từ 61,2% (năm 2022); 65,6% (năm 2023) và 67,9% (năm 2024). Tỷ trọng này có phần tương đồng với bệnh viện Giao thông vận tải Vĩnh Phúc giai đoạn 2019 – 2021 (6) là: 64,4%; 58,3%; 66,4%. Tỷ trọng của TTYK Kỳ Hòa cũng cao hơn tỷ trọng tại bệnh viện Đa khoa Khánh Sơn giai đoạn 2016 – 2020 (7): 34,7%; 48,4%; 57,2%; 59,6%.

Nhìn chung, nguồn thu của TTYK Kỳ Hòa giai đoạn 2022 – 2024 duy trì xu hướng tăng ổn định và ít biến động. Tỷ trọng thu BHYT chiếm ưu thế và tăng dần qua các năm, cho thấy cơ cấu nguồn thu ngày càng tập trung vào nhóm bệnh nhân có thẻ BHYT khi chính sách BHYT toàn dân ngày càng mở rộng.

Lưu ý về phép so sánh: Do chưa có nhiều nghiên cứu công bố về tài chính cơ sở y tế tư nhân ngoại trú tương đồng tại Việt Nam, phần bàn luận tham chiếu các nghiên cứu tại cơ sở công lập nhằm làm rõ sự khác biệt về mô hình hoạt động, không nhằm so sánh hiệu quả tuyệt đối. Sự khác biệt về cơ chế tài chính, cơ cấu chi phí và nguồn thu cần được đọc trong bối cảnh đặc thù của từng loại hình.

Về nguồn chi. Tổng chi của TTYK Kỳ Hòa tăng từ 78.448,7 triệu đồng năm 2022 lên 98.610,9 triệu đồng năm 2024, tăng 25,7% sau 02 năm, tương ứng với mức tăng lượt khám và mở rộng danh mục kỹ thuật. Các mục chi chính là chi thường xuyên (chiếm 99,6%) và chi không thường xuyên (chiếm 0,4%). Đáng chú ý, chi mua sắm TSCĐ giảm mạnh 64,4% năm 2023 phản ánh quyết định chủ động tạm hoãn kế hoạch đầu tư trong năm đó, sau đó tăng trở lại 51,1% năm 2024 khi Trung tâm tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất.

Trong chi thường xuyên, chi chuyên môn nghiệp vụ chiếm tỷ trọng cao nhất 64,9% (năm 2022); 65,5% (năm 2023); 65,2% (năm 2024). Tỷ lệ chi chuyên môn nghiệp vụ tại TTYK Kỳ Hòa cao hơn so với nghiên cứu tại Trung tâm Y tế huyện Trấn Yên giai đoạn 2019 – 2021 (8) là: 45,2%; 43,5%; 46,3%. Tỷ lệ này cũng cao hơn tỷ lệ chi chuyên môn tại Trung tâm Y tế Vĩnh Yên giai đoạn 2019 – 2021 (9) lần lượt là: 55,4%; 51,4%; 50,3%. Và cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ chi chuyên môn tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong giai đoạn 2018 – 2021 (10) là: 35,7%; 33,2%; 38,7%; 26,4%. Điều này phản ánh đặc trưng cơ sở y tế tư nhân, mô hình điều trị ngoại trú tại thành phố lớn, nơi có nhiều sự cạnh tranh về chất lượng KCB, nên việc ưu tiên chi cho hoạt động chuyên môn là điều cấp thiết.

Chi thanh toán cá nhân tại TTYK Kỳ Hòa chiếm 23,2% (năm 2022); 23,3% (năm 2023) và 23,5% (năm 2024) trong chi thường xuyên. Tỷ lệ chi thanh toán cá nhân của TTYK Kỳ Hòa thấp hơn nhiều so với mức chi của Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong giai đoạn 2018 – 2021 (10) là: 48,4%; 49,5%; 48,1%; 52,2%. Tỷ lệ này cũng thấp hơn nhiều tỷ lệ này chi thanh toán cá nhân tại Bệnh viện Đa khoa Khánh Sơn giai đoạn 2016 – 2020 (7) lần lượt là: 59,4%; 52,4%; 59,2%; 60,7%; 63,1%. Điều này phản ánh chi phí nhân sự tại Kỳ Hòa được kiểm soát chặt và cơ cấu chi tập trung hơn cho hoạt động chuyên môn.

4.2. Kết quả hoạt động thu – chi của TTYK Kỳ Hòa giai đoạn 2022 – 2024

Chênh lệch thu – chi trước thuế của TTYK Kỳ Hòa trong giai đoạn 2022 – 2024 duy trì luôn dương và tăng đều, tăng từ 8.651,5 triệu đồng năm 2022 lên 9.347,0 triệu đồng năm 2023 (tăng 8,0%) và đạt 10.472,6 triệu đồng

năm 2024 (tăng 12,0%). Chênh lệch thu – chi của TTYK Kỳ Hòa luôn tăng so với tại Trung tâm Y tế huyện Trấn Yên giai đoạn 2019–2021 (8) giảm liên tục: 3.575 triệu; 1.814 triệu (giảm 49%); 1.151 triệu (giảm 37%). Chênh lệch thu – chi này cũng cao và ổn định hơn so với nghiên cứu tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong giai đoạn 2018–2021 (10): 551 triệu; 1.520 triệu (tăng 276%); 630 triệu (giảm 58%); 538 triệu (giảm 15%) tổng thể giảm 64,6% sau hai năm liên tiếp. Sự khác biệt này do đặc trưng mô hình ngoại trú tư nhân với cơ cấu thu – chi tự chủ, linh hoạt và sự kiểm soát chi phí chủ động, giúp Kỳ Hòa duy trì được nền tảng tài chính ổn định và tăng trưởng đều đặn.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Giai đoạn 2022 – 2024, TTYK Kỳ Hòa duy trì tăng trưởng và ổn định về tài chính. Tổng thu tăng đều qua các năm, trong đó tỷ trọng thu từ KCB BHYT tăng đều từ 61,2 – 67,9%, còn tỷ trọng thu KCB dịch vụ giảm từ 37,7 – 30,8%, phản ánh cơ cấu nguồn thu phụ thuộc nhiều vào BHYT. Tổng chi cũng tăng đều qua các năm, chi tập trung chủ yếu vào hoạt động chuyên môn nghiệp vụ (khoảng 65%), chi đầu tư TSCĐ được điều chỉnh linh hoạt theo kế hoạch từng năm. Chênh lệch thu – chi trước thuế duy trì dương và tăng liên tục, thể hiện khả năng kiểm soát chi phí hiệu quả và mức độ tự chủ tài chính của Trung tâm. Việc trích lập và phân bổ các quỹ được thực hiện theo quy chế nội bộ của TTYK Kỳ Hòa với tỷ lệ duy trì ổn định qua các năm.

Trên cơ sở thực trạng thu – chi tài chính của Trung tâm giai đoạn 2022 – 2024, có một số kiến nghị: Đối với TTYK Kỳ Hòa, cần tăng cường kiểm soát chi chuyên môn thông qua rà soát định kỳ chi phí thuốc, vật tư y tế và hợp đồng dịch vụ thuê ngoài; đồng thời đẩy mạnh nguồn thu từ KCB ngoài BHYT bằng cách phát triển các gói khám dịch vụ theo nhu cầu (gói sức khỏe định kỳ, gói chuyên khoa) và tối ưu công suất phòng khám hiện đang ở mức 91,9% – gần ngưỡng bão hòa bằng cách kéo dài giờ hoặc tổ chức ca tối, nhằm giảm phụ thuộc vào BHYT. Đối với cơ quan BHXH, cần đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian thanh toán BHYT và điều chỉnh khung giá viện phí phù hợp hơn với đặc thù cơ sở y tế tư nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ. Nghị định số 53/2006/NĐ-CP của Chính phủ: Nghị định về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập. 2006.
- [2] Bộ Y tế. Báo cáo 1632/BC-BYT 2024 công tác y tế tháng 11/2024. 2024.
- [3] Bộ Y tế. Thông tư 21/2023/TT-BYT khung giá dịch vụ khám bệnh cơ sở khám bệnh chữa bệnh của Nhà nước. 2023.
- [4] Giới thiệu Trung tâm Y khoa Kỳ Hòa [Internet]. [cited 24 Tháng Hai 2025]. Available at: <https://www.ykhoakyhoa.vn/gioi-thieu/>
- [5] Trần Thanh Bình. Thu, chi tài chính và một số yếu tố ảnh hưởng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020 [Luận văn Chuyên khoa II]. Trường Đại học Y tế công cộng; 2021.
- [6] Phạm Lê Thắng, Nguyễn Quỳnh Anh. Thực trạng thu chi tài chính của bệnh viện giao thông vận tải Vĩnh Phúc giai đoạn 2019 – 2021. Tạp Chí Khoa Học Nghiên Cứu Sức Khỏe Và Phát Triển. 2023;07. DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0703SKPT22-087>
- [7] Hồ Ngọc Gia. Thực trạng thu, chi tài chính tại bệnh viện đa khoa huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020. Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển. 2023;07. DOI: doi.org/10.38148/JHDS.0705SKPT21-086
- [8] Đào Thanh Quyết. Thu - chi tài chính và một số yếu tố ảnh hưởng của Trung tâm Y tế huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019 – 2021 [Luận văn Chuyên khoa II]. Trường Đại học Y tế công cộng; 2022.
- [9] Nguyễn Mạnh Hoàn. Kết quả tự chủ tài chính khối bệnh viện tại Trung tâm Y tế thành phố Vĩnh Yên giai đoạn 2019-2021. Tạp Chí Khoa Học Nghiên Cứu Sức Khỏe Và Phát Triển. 2023;07. DOI: doi.org/10.38148/JHDS.0706SKPT22-101
- [10] Huỳnh Thanh Huynh. Thực trạng thu chi tài chính tại Trung tâm Y tế huyện Đắk Glong tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2018 - 2021. 2023;07. DOI: [org/10.38148/JHDS.0705SKPT22-092](https://doi.org/10.38148/JHDS.0705SKPT22-092)

- [1] Chính phủ. Nghị định số 53/2006/NĐ-CP của Chính phủ: Nghị định về chính sách khuyến khích